TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DSST
Ngày 21 tháng 7 năm 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Hằng Huệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2020/QĐST - DS ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐST-HPT ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.** Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức TD, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T– chức vụ: Phó Giám đốc. Ông Nguyễn Đình T ủy quyền lại cho ông Trần Nhật P theo Giấy ủy quyền số 2366/2018/UQ-TTT ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT. Ông Phương có mặt.

* Bị đơn: Ông Trần HH, sinh năm 1972. Địa chỉ nơi cư trú: 32C C, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông H vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2018 và các lời khai trong quá trình***

giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Nhật Phương trình bầy:

Ngày 16/02/2012, Ông Trần HH và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Family Local Credit 970403 - 4971 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (lãi suất 2.5%/ tháng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.900.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30,214,000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể khi chuyển nợ quá hạn vào ngày 23/04/2016: Tổng số tiền ông H thanh toán là 30.214.000 đồng bao gồm: phí trễ hạn là 3.266.879 đồng, phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 412.000 đồng, phí vượt hạn mức là 350.000 đồng, lãi trong hạn là 23.587.340 (lãi suất trong hạn là 2.5%/tháng) và một phần giao dịch là 2.597.781 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 18.302.219 đồng.

Ông H sử dụng thẻ từ tháng 02/2012 đến tháng 01/2016 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 02/2016 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng Ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/04/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ là 3.75%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tạm tính đến ngày 21/7/2020, ông H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

1. Buộc ông Trần HH trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT toàn

bộ số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2020 như sau: nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

2. Ông Trần HH có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất tại hợp đồng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được. Vì vậy, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: ông Trần HH có hộ khẩu thường trú tại 32C Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT; Buộc ông Trần HH phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/7/2020 tổng số tiền như sau: nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 21/7/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần HH phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần HH vắng mặt lần thứ ba liên tiếp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông Trần HH.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT của ông Trần HH, mục đích mở thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần HH đăng ký nhân khẩu thường trú tại 32C Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do ông Trần HH không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín khi đến hạn trả nợ. Do vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín đã khởi kiện ông Hải đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hải phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ

lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Ngày 16/02/2012, ông Trần HH và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Tháng 2/2016, ông Trần HH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 31/10/2018. Ngày 14/12/2018 Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã nhận được đơn khởi kiện của ngân hàng đối với ông Hải. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 16/02/2012, ông Trần HH và Ngân hàng TMCP SGTT có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông Hải, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng); Mục đích vay: Mở thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/02/2012 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp ông Hải đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ tháng 02/2016 nên theo Điều 22 của điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quy định về chuyển nợ quá hạn *:"a. Đối với Giao dịch mua hàng hóa (không áp dụng với thẻ Family), phí, lệ phí và tất cả các khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dichcj rút tiền mặt); nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn hoặc trước này đến hạn, chủ thẻ thanh toán phải thanh toán lãi cho Đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thực hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đên sheets ngày việc thực hiện thanh toán đầy đủ. Đối với giao dịch mua hàng hóa bằng thẻ tín dụng Family, lãi sẽ được tính từ thời điểm chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đên sheets ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng; b. Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh*

toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng". Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông Hải phải thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/7/2020 là: nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP SGTT, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi, phí chậm thanh toán của các bên theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn ông Trần HH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 373; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT, yêu cầu ông Trần HH thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP SGTT toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT.

- Xác nhận ông Trần HH còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT với tổng số

tiền như sau: nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng tạm tính đến ngày 21/7/2020.

2. Buộc ông Trần HH phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP SGTT với tổng số tiền như sau nợ gốc: 18.302.219 đồng; Lãi quá hạn: 35.483.778 đồng. Tổng cộng: 53.785.997 đồng tạm tính đến ngày 21/7/2020.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần HH phải chịu 2.689.299 (Hai triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn hai trăm chín mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000 (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0024234 ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần HH còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/02/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT. .

Trường hợp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn ông Trần Hòai Hải có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung